

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày 15/04/2022

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các hội thẩm nhân dân:

Huỳnh Thị Kim Phượng

Ngô Thị Phương Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/DS-ST ngày 01 tháng 06 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 03 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Huỳnh Hoài H, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Ông Huỳnh Minh Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1977

Bà Đào Thị S, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường L, quận O, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền cho bà S, bà C, ông H, ông Q là ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2020 và ngày 24/09/2020)

Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn R, có luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng luật sư T, đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 ; Nguyễn Văn D, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND huyện V, Tp Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh K, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2021)

Địa chỉ: ấp V, thị trấn T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Nguyễn Văn K, sinh năm 2002

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984

Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ.

(Đại diện nguyên đơn ông R, ông Q, luật sư T có mặt; còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện ủy nguyên của các nguyên đơn ông Huỳnh Văn R trình bày và yêu cầu:

Cha, chồng nguyên đơn ông Huỳnh Văn Q (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000791. Ông Huỳnh Văn Q có chung sống không hợp pháp với bà Nguyễn Thị V, trước khi chung sống với cha nguyên đơn thì V (S) có con riêng là ông M và ông D. Khi cha ông chết vào năm 2001, bà V (S) cũng đã chết thì ông M và ông D bao chiếm luôn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 59m², loại đất LNK phần (A) và diện tích 55,8m², phần (F), tổng diện tích 02 phần là 114,8m², thuộc 01 phần thửa số 158. Nay do một số nguyên đơn không có chỗ ở, phải đi ở đậu, ở thuê đất người khác, nên yêu cầu bị đơn ông M và ông D phải di dời nhà trả lại phần đất có diện tích như đo

đặc thực tế diện tích là 59m² phần (A) và diện tích 55,8m² (F), trong thửa 158, đất do ông Q đứng tên để anh em nguyên đơn tự chia, đảm bảo có chỗ ở đầy đủ.

Nếu trường hợp bị đơn đã ở trên đất có diện tích là 59m², tại phần (A), thì yêu cầu bị đơn phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn giá trị là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), còn diện tích 55,8m², tại phần (F) yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn.

Ông Q chết năm 2001, hàng thừa kế thứ nhất của ông Q có: Bà S (vợ), Huỳnh Văn R, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Hoài H, Huỳnh Hoài H1, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Minh P (là các con ruột).

Các nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá do Tòa án thành lập đoàn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D thống nhất trình bày và đề nghị tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/07/2021 như sau:

Anh em ông M, ông D ở trên phần đất thửa số 158 như phần thể hiện trong biên bản đo đạc định giá do Tòa án lập đoàn để xác định phần đất tranh chấp cụ thể phần tôi sử dụng là phần (A), diện tích 59m²; phần (F), diện tích 55,8m². Giấy đất do Huỳnh Văn Q (chết) đứng tên quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc phần đất anh em bị đơn sử dụng là do mẹ là bà Nguyễn Thị V (chết năm 2012) để lại, sống chung như vợ chồng với ông Huỳnh Văn Q vào năm năm 1983 đến khi chết. Mẹ bị đơn và ông Q sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Mẹ bị đơn và ông Q sống với nhau nhưng không có con chung. Bị đơn Nguyễn Văn Dg, Nguyễn Văn M là con riêng của bà Nguyễn Thị V.

Hiện tại căn nhà ở trên phần đất đang tranh chấp gồm có 02 vợ chồng D ở và 02 đứa con tôi ông D, vợ D tên Phạm Thị L; các con: Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Văn K, hiện cùng hộ khẩu với ông D.

Căn nhà trên phần đất tranh chấp đó là do Nhà nước xây cất cho mẹ là bà Nguyễn Thị V (chết), sau khi bà V chết thì các bị đơn ở căn nhà đó, còn phần đất là của ông Q, ông Q cho bà V ở, khi mẹ chết thì để lại cho bị đơn ở đó, việc cho ở không làm giấy tờ gì.

Việc ông Q để lại cho mẹ bị đơn phần đất, cũng như mẹ bị đơn để lại cho tôi phần đất để ở thì chỉ nói miệng, chứ không có giấy tờ gì cả.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu di dời nhà trả lại đất, bị đơn không đồng ý, vì phần đất đó ông Q đã cho mẹ bị đơn rồi, mẹ bị đơn chết thì bị đơn ở, không đồng ý trả lại cho ai. Nếu muốn lấy đất lại thì mua phần đất khác trả lại cho anh em bị đơn để anh em bị đơn di dời nhà về chỗ khác, còn không thì bị đơn sẽ mua lại theo giá Nhà Nước qui định bằng tiền là 17.700.000đ, để được công nhận phần đất đó cho anh em bị đơn.

Đối với việc đo đạc định giá phần đất tranh chấp do Tòa án lập và các bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật TNMT, thuộc sở TNMT – Tp Cần Thơ cung cấp bị đơn hoàn toàn thống nhất để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ, có đại diện ủy quyền là ông Lê Minh K, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ, có ý kiến trình bày tại văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021 như sau:

Thửa số 158, diện tích 700m² (ONT + LNK), tờ bản đồ số 10, tại ấp P, xã A, nay là ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ. do hộ ông Huỳnh Văn Q đứng tên trên sổ địa chính. Đất đã được UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000794 ngày 13/7/1999 cho hộ ông Huỳnh Văn Q, nguồn gốc đất do Nhà nước cấp (nhận khoán), từ năm 1989.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 158, hộ ông Huỳnh Văn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất năm 1989 sử dụng đến năm 1999 được đổi lại giấy đỏ ngày 13/7/1999, theo giấy số 000794, là đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng. Đồng thời UBND huyện có đề nghị được giải quyết vắng mặt, tại Tòa án, từ chối đối chất (nếu có).

Ông Nguyễn Văn K, là con ruột của ông D, thống nhất với lời trình bày của ông D, không bổ sung gì thêm.

Ông Huỳnh Minh P trình bày: Ông là con ruột của ông Q và bà S, các con ruột ông Q và bà S gồm, ông P, H, Q, H1, R, C. Ngoài ra, không có con nuôi con riêng gì khác. Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ông đồng ý thống nhất về việc yêu cầu bị đơn phải trả lại phần đất thuộc một phần thửa 158, nguồn gốc phần đất này là của ông bà để lại. Do bận công việc nên đề nghị được giải quyết vắng mặt tại các nơi các cấp Tòa án.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn X có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/07/2021 như sau: ông là anh ruột của ông Q. ông M và ông D là con riêng của bà V (S) chết năm 2012, ông Q và bà V sống chung không có đăng ký kết hôn và không có con chung. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 158, có nguồn gốc của cha mẹ cho lại ông Q, khi ông Q chết bà V và con bà V là M và D tiếp tục ở trên phần đất tranh chấp đó, căn nhà hiện D và M đang ở là do Nhà nước cấp cho bà V. Do đó, đề nghị Tòa án nên ổn định cho D và M được tiếp tục ở trên phần đất có căn nhà. Do bận công việc nên đề nghị được vắng mặt.

Bà Phạm Thị L và Nguyễn Thị Như Y vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa như sau:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn R, có luật sư Nguyễn Văn T trình bày và đề nghị:

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn phần đất thuộc phần (F), diện tích 55,8m², loại đất CLN; buộc bị đơn phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất tại phần (A), diện tích là 59,0m², loại đất CLN giá trị là: 50.000.000đ là có căn cứ, vì bị đơn ở và chiếm giữ phần đất đang tranh chấp không có căn cứ pháp luật. giá trị bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả là thấp, với giá đó nguyên đơn cũng không đủ để mua lại phần đất có diện tích tương đương để ở.

Ông R, ông Q thống nhất với lời trình bày và đề nghị của luật sư, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết một số đương sự mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt có đương sự có yêu cầu vắng mặt, có đương sự vắng mặt không rõ lý do và tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào qui định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự và người làm chứng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn phần đất thuộc phần (F), diện tích 55,8m², buộc bị

đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất tại phần (A), diện tích là 59m² là: 17.700.000đ cho nguyên đơn theo giá Hội đồng đã định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên phải đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự, người làm chứng vắng mặt, trong quá trình giải quyết có yêu cầu được vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông M và ông D phải di dời nhà và các tài sản khác để trả lại phần đất thuộc 01 phần của thửa số 158, tờ bản đồ số 10, diện tích theo đo đạc thực tế được thể hiện trong bản trích đo địa chính, cụ thể tại phần (F), diện tích 55,8m², buộc bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất tại phần (A), diện tích là 59m² là: 50.000.000đ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc phần đất thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 10, đất do ông Huỳnh Văn Q đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, có nguồn gốc đất cổ cự do ông bà để lại cho ông Q và ông Q khai nhận nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nghĩa là trước khi ông Q về chung sống với bà V (S) thì phần đất này đã được cấp cho ông Q và các thành viên trong hộ là vợ ông Q là bà Đào Thị S và các con ông Q và bà S, không liên quan đến bà V (S) và các con riêng bà V (S) là ông D và ông M. Việc ông Q có nhà ở trên phần đất thuộc thửa số 158, cụ thể ký hiệu phần (A), diện tích là 59m², và quản lý sử dụng phần (F), diện tích 55,8m² là hợp pháp. Tuy nhiên, khi ông Q chết ông Q không có di chúc để lại phần đất tranh chấp đó cho bà V (Sáu) hay ông M, D. Nên phần di sản đó thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm vợ hợp pháp của ông Q là bà S và các con chung của bà S và ông Q gồm: Ông R, C, H, H1, Q, P là phù hợp với qui định tại Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do phía nguyên đơn có nhu cầu chỗ ở, nên phần (F), diện tích 55,8m², bị đơn đang quản lý nhưng chưa xây dựng các công trình lớn, nên cần buộc bị đơn phải trả lại cho các đồng thừa thừa kế của nguyên đơn. Đối với phần (A), diện tích 59,0m², có căn nhà của bà V (S) thuộc diện Nhà nước cấp, các bị đơn và người liên quan cùng

sống chung nhà gồm: Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn K, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Như Y. Phía nguyên đơn đồng ý nếu ổn định cho bị đơn phần (A), buộc bị đơn phải trả lại giá trị quyền sử dụng cho các đồng thừa kế của nguyên đơn số tiền là 50.000.000đ, còn không thì đề nghị bị đơn di dời nhà trả lại đất cho đồng thừa kế của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết, bị đơn ông D, M và K cũng đồng ý trả lại giá trị quyền sử dụng cho các đồng thừa kế của nguyên đơn số tiền là 17.700.000đ, phù hợp với giá được Hội đồng định giá trong quá trình giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử ổn định phần (A), diện tích 59m², loại đất CLN cho bị đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng cho hàng thừa kế thứ nhất của nguyên đơn là 17.700.000đ.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí thẩm định, định giá: Các khoản hết 8.000.000đ, công nhận nguyên đơn ông R đã nộp và chi xong. Lỗi là của bị đơn, nên buộc bị đơn phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn phải nộp theo qui định của pháp luật.

[4] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày và yêu cầu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên phát biểu về tố tụng và đề xuất về nội dung là có căn cứ, phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 207, 227, 228, 229, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 165, 166, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 99 Luật đất đai năm 2013

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Văn K cùng

có trách nhiệm di dời tài sản để trả lại phần đất phần (F), diện tích 55,8m², thuộc 01 phần thửa 158, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ, do ông Huỳnh Văn Q (chết) đứng tên quyền sử dụng, cho các đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm: Huỳnh Hoài H, Huỳnh Văn R, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Hoài H1, Đào Thị S, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Minh P.

Công nhận phần đất phần (A), có diện tích là 59,0m², loại đất CLN, thuộc 01 phần thửa số 158, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ, do ông Huỳnh Văn Q (chết) đứng tên quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Văn K.

Buộc ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L, Nguyễn Thị Như Y, Nguyễn Văn K cùng có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất tại phần (A), là: 17.700.000đ (mười bảy triệu bảy trăm ngàn đồng), cho các đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn Q gồm: Huỳnh Hoài H, Huỳnh Văn R, Huỳnh Minh Q, Huỳnh Hoài H1, Đào Thị S, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Minh P.

Căn cứ vào các biên bản định giá, biên bản xem xét thẩm định tài sản do Toà án lập ngày 29/06/2021 và bản trích đo địa chính số: 53/TTKTTNMT, ngày 30/12/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để xác định vị trí, kích thước phần đất và tài sản tranh chấp, giao trả, công nhận và để thi hành.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các phần đất được công nhận, buộc trả và có trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo qui định (nếu có), khi đã thực hiện xong nghĩa vụ theo nội dung đã tuyên.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá, chi phí giám định: 8.000.000đ, công nhận nguyên đơn đã nộp và chi xong. Lỗi là của bị đơn nên bị đơn phải chịu để chuyển trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn D phải nộp án phí là 300.000đ tiền án phí không giá ngạch và 885.000đ tiền án phí buộc phải trả giá trị đất. Tổng cộng bị đơn phải nộp là: 1.185.000đ (*Một triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2019/016774, ngày 04/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án (trích sao án), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS TP Cần Thơ;
- VKS huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Cương Lĩnh